

CÔNG ĐOÀN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

✍ TS. NGUYỄN HẢI HOÀNG*

Ngày nay, hội nhập quốc tế là lựa chọn chính sách của hầu hết các quốc gia để phát triển. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau và tiếp tục được tranh luận về nhiều khía cạnh của hội nhập quốc tế. Bài viết này đề cập một số khía cạnh về lý luận và thực tiễn của khái niệm hội nhập quốc tế, tập trung vào định nghĩa và xác định bản chất, nội hàm, các hình thức của hội nhập quốc tế; phân tích sự tác động của hội nhập quốc tế như là một xu thế lớn của thế giới hiện đại tới hoạt động của tổ chức Công đoàn Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

1. Khái niệm hội nhập quốc tế

Về ngữ nghĩa, “hội nhập” có nguồn gốc từ “liên kết” (integration) với nghĩa chung nhất là hành động hoặc quá trình gắn kết các phần tử riêng rẽ với nhau; hợp chung các bộ phận vào một chỉnh thể (nhất thể, hợp nhất) và kết hợp các thành tố khác nhau lại (tụ hội, tụ nhóm). “Hội nhập quốc tế” trong tiếng Việt có nguồn gốc dịch từ tiếng nước ngoài (tiếng Anh là “international integration”, tiếng Pháp là “intégration internationale”). Đây là một khái niệm được sử dụng chủ yếu trong các lĩnh vực chính trị học quốc tế và kinh tế quốc tế, ra đời từ khoảng giữa thế kỷ trước ở châu Âu, trong bối cảnh những người theo trường phái thể chế chủ trương thúc đẩy sự hợp tác và liên kết giữa Đức - Pháp nhằm tránh nguy cơ tái diễn chiến tranh thế giới thông qua việc xây dựng Cộng đồng châu Âu. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), quá trình hội nhập quốc tế đã phát triển nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực, diễn ra trên nhiều cấp độ ngày một sâu sắc và toàn diện.

Từ lý luận và thực tiễn, chúng tôi cho rằng cần phải xem xét hội nhập như là một quá trình xã hội có nội hàm toàn diện và thường xuyên vận động hướng tới mục tiêu nhất định. Theo đó, **hội nhập quốc tế được hiểu như là quá trình các nước tiến hành các hoạt động tăng cường sự gắn kết, hợp tác với nhau dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực (thẩm quyền**

định đoạt chính sách) và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế. Như vậy, khác với hợp tác quốc tế (hành vi các chủ thể quốc tế đáp ứng lợi ích hay nguyện vọng của nhau, không chống đối nhau), **hội nhập quốc tế vượt lên trên sự hợp tác quốc tế thông thường: nó đòi hỏi sự chia sẻ và tính kỷ luật cao của các chủ thể tham gia.**

Với quan niệm và cách tiếp cận như vậy, có thể khái quát một số điểm chung, nổi bật về hội nhập quốc tế như sau:

Thứ nhất, hội nhập quốc tế bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, nhưng không giới hạn ở đó, mà còn diễn ra trên nhiều lĩnh vực.

Thứ hai, hội nhập quốc tế là quá trình không có giới hạn về không gian, thời gian.

Thứ ba, hội nhập quốc tế không chỉ diễn ra thông qua việc tham gia các cơ chế hợp tác đa phương mà còn trên nhiều bình diện.

Thứ tư, bản chất của hội nhập quốc tế là quá trình xây dựng và áp dụng các luật lệ và chuẩn mực chung. Đây chính là đặc điểm phân biệt hội nhập quốc tế với các hoạt động hợp tác quốc tế khác, như trao đổi, tham vấn, phối hợp chính sách,... Nói cách khác, hội nhập quốc tế là một hình thức hợp tác quốc tế ở trình độ cao, gắn với luật lệ và chuẩn mực chung giữa các nước.

Chủ thể chính của hội nhập quốc tế trước hết là các quốc gia, có đủ thẩm quyền và năng lực đàm phán, ký kết và thực hiện các cam kết quốc tế. Bên cạnh chủ thể chính này, các chủ thể khác cùng hợp thành lực lượng tổng hợp tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế như các tập đoàn kinh tế, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp. Hội nhập quốc tế diễn ra trên từng lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng cũng có thể đồng thời diễn ra trên nhiều lĩnh vực với tính chất, phạm vi và hình thức rất khác nhau.

* Trường Đại học Công đoàn

2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế

Tư tưởng hội nhập gắn liền với quá trình hình thành, phát triển của Nhà nước Việt Nam. Trong đó, dấu mốc lịch sử thể hiện sự đột phá trong quá trình phát triển tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập gắn với sự nghiệp đổi mới của Đảng (1986) và đến đại hội Đảng lần VIII, lần đầu tiên thuật ngữ hội nhập được đề cập trong Văn kiện của Đảng (1996): “Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả” [1, tr.342]. Đến Đại hội IX (2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương hội nhập quốc tế tiếp tục được nhấn mạnh trên cơ sở hội nhập kinh tế quốc tế: “*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường” [1, tr.483]. Tuy nhiên, quan điểm về hội nhập kinh tế quốc tế được thể hiện cụ thể nhất trong Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX (2001) về hội nhập kinh tế quốc tế. Tại Đại hội XI (2011), Đảng Cộng sản Việt Nam đã có thêm một bước phát triển tư duy quan trọng với việc chuyển từ “*hội nhập kinh tế quốc tế*” sang “*chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*” [2, tr.236], tức là mở rộng phạm vi, lĩnh vực và tính chất của hội nhập. Đặc biệt, ngày 10/4/2013, Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 22/NQ-TW về hội nhập quốc tế, trong đó xác định mục tiêu: “Hội nhập quốc tế phải nhằm củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”.

Đến nay, Việt Nam đã xác lập quan hệ ngoại giao với hơn 180 trong 193 quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc, quan hệ kinh tế thương mại với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam trở thành thành viên và là sáng lập viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế, có 98 cơ quan đại diện trên toàn thế giới.

3. Tác động của quá trình hội nhập quốc tế đối với hoạt động Công đoàn Việt Nam.

Tác động tích cực

Hội nhập quốc tế, đặc biệt là hội nhập kinh tế quốc tế sẽ đưa đến sự tăng nhanh số lượng lao động và đơn vị doanh nghiệp. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển đoàn viên và thành lập Công đoàn cơ sở.

Tham gia hội nhập quốc tế đòi hỏi hệ thống pháp luật mỗi nước và Luật về công đoàn phải hoàn thiện, phù hợp với thông lệ và pháp luật quốc tế. Những quy định về quyền và nghĩa vụ của người lao động, doanh nghiệp, các cơ quan quản lý Nhà nước về lao động phải minh bạch, bảo đảm thực hiện nghiêm túc, hiệu quả sẽ giúp cho Công đoàn hoạt động được thuận lợi, phát huy được vai trò và thực hiện chức năng, nhiệm vụ tốt hơn.

Những vấn đề liên quan đến lao động và công đoàn trong hội nhập quốc tế như quyền tự do lập hội, quyền thương lượng tập thể, ...điều này đã tác động tới môi trường lao động và tạo sự cạnh tranh với tổ chức Công đoàn.

Hội nhập quốc tế tạo cơ hội thuận lợi để Công đoàn Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động đối ngoại, tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm hoạt động và tranh thủ sự hỗ trợ mọi mặt từ Công đoàn các nước.

Tác động tiêu cực

Xuất hiện và gia tăng mâu thuẫn giữa yêu cầu giữ vững và phát triển đoàn viên, bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích của người lao động với điều kiện về tổ chức bộ máy, về năng lực cán bộ chưa được chuẩn bị một cách chu đáo.

Tự do hóa thương mại và cạnh tranh làm cho nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, giải thể, phá sản, dẫn đến một bộ phận người lao động bị mất hoặc thiếu việc làm, ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động công đoàn cơ sở, tới ổn định tổ chức đoàn viên và sự gắn bó của người lao động, đoàn viên với tổ chức Công đoàn.

4. Một số vấn đề đặt ra đối với hoạt động Công đoàn Việt Nam

Thứ nhất, làm thế nào để phát động đấu tranh toàn diện nhằm bảo vệ và tạo ra công ăn việc làm cho người lao động. Do thị trường việc làm bị thay đổi dưới tác động của hội nhập quốc tế, đồng thời do quyền tự do lập hội trong quá trình hội nhập quốc tế đã làm cho số lượng đoàn viên của Công đoàn có nguy cơ bị giảm sút và quyền thương lượng của Công đoàn bị suy giảm. Điều quan trọng là

Công đoàn cần phải hoàn thành hai nhiệm vụ song song đó là: 1) Bảo vệ việc làm cho người lao động và đoàn viên công đoàn cũng như những người lao động khác; 2) Tạo ra việc làm có chất lượng cho mọi người. Những việc này đòi hỏi được thực hiện ở quy mô trong từng xí nghiệp hoặc cấp vĩ mô, ở quy mô khu vực và quốc tế.

Thứ hai, làm thế nào để phong trào công đoàn có thể hồi sinh, phát triển chuyển mình thành một phong trào biến đổi xã hội. Để tiếp tục đáp ứng với đòi hỏi của xã hội cũng như đoàn viên công đoàn, thế hệ mới của Công đoàn phải là những tổ chức không chỉ mang tính phục vụ, không chỉ quan tâm đến cơm ăn, áo mặc cho lực lượng đoàn viên; mà Công đoàn cần phải có một nhãn quan xã hội rộng lớn, phải mở rộng chương trình hành động bao gồm cả những vấn đề đang tác động đến người lao động bên ngoài nơi làm việc.

Thứ ba, làm thế nào để xây dựng đội ngũ công nhân, người lao động đủ mạnh, nắm bắt, lựa chọn cách tận dụng xu thế mới để phát triển đất nước, đồng thời chống lại mọi âm mưu chia rẽ từ bên ngoài của các thế lực thù địch, chống mọi âm mưu xóa nhòa ranh giới giữa tư bản - lao động và chia rẽ phong trào công đoàn thế giới.

5. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế

Một là: Chú trọng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, dự báo về giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt trong giai đoạn chúng ta đã và đang đàm phán, ký kết tham gia các hiệp định thương mại song phương, đa phương với các đối tác trong khu vực và trên thế giới, để từ đó đánh giá những tác động đối với phong trào công nhân và hoạt động Công đoàn Việt Nam, nhằm từng bước hoàn thiện lý luận về vị trí, vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong tình hình mới, về vị trí, vai trò của Công đoàn và những bài học kinh nghiệm hoạt động công đoàn trong các cơ sở thuộc các thành phần kinh tế, tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động công đoàn.

Hai là: Xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, không ngừng phát huy dân chủ của cán bộ đoàn viên công đoàn nhằm tạo môi trường để khơi dậy tính sáng tạo của cán bộ đoàn viên đóng góp trí tuệ vào việc xây dựng, bổ sung nội dung, phương pháp hoạt động công đoàn. Mặt khác, xây dựng tổ chức

Công đoàn vững mạnh, bảo đảm sự thống nhất giữa nhận thức và hành động, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng phối hợp giữa tổ chức Công đoàn với chính quyền, giữa tổ chức Công đoàn với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác.

Ba là: Nâng cao chất lượng công tác thông tin báo cáo trong hệ thống công đoàn, đề cao trách nhiệm cá nhân và chế độ thực hiện thông tin báo cáo của lãnh đạo công đoàn các cấp, nhất là các cấp ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ. Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và hoạt động công đoàn.

Bốn là: Công đoàn đẩy mạnh công tác giáo dục, nâng cao trình độ học vấn, tay nghề, kiến thức pháp luật cho người lao động. Nền kinh tế mở ở Việt Nam ngày nay có nhiều ưu điểm, nhưng cũng là "mảnh đất" làm nảy sinh những tiêu cực xã hội. Vì thế, Công đoàn cần phát huy vai trò của mình trong việc giáo dục công nhân, viên chức, lao động nâng cao lập trường giai cấp, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động, phát huy những giá trị cao đẹp, truyền thống văn hóa dân tộc và tiếp thu những thành tựu tiên tiến của văn minh nhân loại. Đó là những yếu tố quan trọng làm cho vai trò của Công đoàn ngày càng mở rộng và phát triển. Trong điều kiện hội nhập quốc tế, Công đoàn cần tiếp tục và đẩy mạnh tuyên truyền thông qua các hình thức như: thảo luận, đối thoại, hội thi,... để công nhân, viên chức, lao động nâng cao ý thức chính trị, tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, cảnh giác trước những âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; tích cực học tập nâng cao trình độ học vấn, tay nghề, kiến thức pháp luật để tự bảo vệ mình, tồn tại và phát triển trong kinh tế thị trường; hiểu chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức Công đoàn Việt Nam; thấy được lợi ích của bản thân, của doanh nghiệp khi thành lập tổ chức Công đoàn cơ sở.

Năm là: Tăng cường hơn nữa công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ Cán bộ công đoàn, đặc biệt là Cán bộ công đoàn xuất thân từ công nhân, cán bộ nữ, cán bộ mới tham gia Công đoàn lần đầu; xây dựng chính sách thu hút để có những cán bộ giỏi, có năng lực làm công tác công đoàn nhằm không ngừng phát huy tính chủ động, sáng tạo của đội ngũ Cán bộ công đoàn, góp phần xây dựng, bổ sung cho nội dung và phương thức hoạt động công đoàn các ngành, các

cấp ngày càng trở nên phong phú, thiết thực, phù hợp với chức năng công đoàn và đáp ứng được yêu cầu của phong trào công nhân, hoạt động công đoàn trong tình hình mới.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng các doanh nghiệp ngày càng phát triển, lực lượng lao động ngày càng tăng, quan hệ lao động ngày càng phức tạp, trong khi đội ngũ Cán bộ công đoàn còn bộc lộ nhiều bất cập thì vấn đề đào tạo đội ngũ Cán bộ công đoàn có đủ năng lực, có kỹ năng, phương pháp hoạt động công đoàn, có hiểu biết về chuyên môn kỹ thuật là yêu cầu cấp bách, sống còn của tổ chức Công đoàn. Bởi “Cán bộ là gốc của mọi công việc, công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay xấu”. Thực tiễn đòi hỏi mỗi Cán bộ công đoàn với tinh thần chủ động, hiểu rõ thời cơ, thách thức, tận dụng khai thác cơ hội, lường trước và xử lý những khó khăn, thách thức, năng động, mềm dẻo, linh hoạt áp dụng các phương pháp hoạt động khác nhau cho từng nội dung và đối tượng khác nhau. Có như vậy, tổ chức Công đoàn Việt Nam mới thực sự lớn mạnh, mới trở thành người bạn đồng hành thân thiết của người lao động, được người lao động tin tưởng giao phó trách nhiệm đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của họ.

Cán bộ công đoàn trong giai đoạn hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay cần phải bảo đảm tính toàn diện về năng lực; ngoài những phẩm chất về chính trị, đạo đức cần có hiểu biết về phong trào công đoàn, có kiến thức pháp luật, có tri thức về hội nhập quốc tế, có trình độ ngoại ngữ, tin học, có kỹ năng tổ chức vận động, thuyết phục quần chúng, năng lực đàm phán thương lượng, năng lực tổ chức điều hành công việc. Chúng ta phải mạnh dạn thừa nhận rằng: hiện tại, trình độ, năng lực đội ngũ Cán bộ công đoàn ở Việt Nam chưa thực sự đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ công tác công đoàn trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Nhiều Cán bộ công đoàn còn yếu về nghiệp vụ công tác công đoàn; hiểu biết về hội nhập quốc tế, về chính sách pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ người lao động còn hạn chế, đặc biệt trình độ ngoại ngữ, tin học của Cán bộ công đoàn còn yếu. Vì vậy, việc đào tạo nâng cao năng lực Cán bộ công đoàn phải được các cấp công đoàn tiến hành có trọng tâm, trọng điểm, cần phải lựa chọn các khâu, các lĩnh vực có tính then chốt và đột phá. Tích cực cải tiến nội dung, phương pháp đào tạo phù hợp với nhu cầu và yêu cầu của cán bộ nhằm nâng cao trình độ chuyên

môn, nghiệp vụ, tăng cường khả năng hoạt động thực tiễn; tăng cường và nâng cao năng lực vận động, tổ chức người lao động trong mọi tình huống.

Kết luận: Hội nhập quốc tế hiện nay là một xu hướng có tính tất yếu khách quan tác động đến các quốc gia trên thế giới, đến các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế đó, chúng tôi hiểu rằng thách thức đặt ra cho phong trào Công đoàn nói chung, phong trào Công đoàn Việt Nam nói riêng là lớn và phức tạp, đòi hỏi chúng ta cần phải phấn đấu hơn nữa và phải không ngừng tăng cường hợp tác giữa Công đoàn các nước và các tổ chức Công đoàn trên thế giới để cùng tham gia thúc đẩy các tiến trình hợp tác, phát triển với mục tiêu phát triển kinh tế gắn liền với phát triển xã hội, vì một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động.

Công đoàn Việt Nam đã nhận thức được những thời cơ đi kèm trong những thách thức, đó cũng chính là hứa hẹn cho sự phát triển vững mạnh của Công đoàn Việt Nam khi Công đoàn Việt Nam có sự chuẩn bị về chiến lược và đối sách hiệu quả nhằm hạn chế những tiêu cực, phát huy tích cực, kiểm soát được cam kết về lao động và công đoàn theo cách có lợi cho sự phát triển của Công đoàn Việt Nam. Trong hệ những giải pháp mà Công đoàn Việt Nam đã lựa chọn và thực hiện thì việc đào tạo, nâng cao năng lực hoạt động cho đội ngũ cán bộ làm công tác công đoàn được coi là giải pháp, đồng thời cũng là nhiệm vụ trung tâm, then chốt quyết định đến sự lớn mạnh và hội nhập của Công đoàn Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. □

Tài liệu tham khảo

1. *Đảng Cộng sản Việt Nam*, Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
2. *Đảng Cộng sản Việt Nam*, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
3. *Đặng Đình Quý*, Bàn thêm về khái niệm “hội nhập quốc tế” của Việt Nam trong giai đoạn mới, *Tạp chí Cộng sản*, 2012.
4. *Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam - Ban đối ngoại*, Toàn cầu hóa và phong trào công đoàn quốc tế, Nxb Lao động 2003.
5. *Phạm Quốc Trụ*, Hội nhập quốc tế: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn (<http://nghiencuubiendong.vn/toan-cau-hoa-hoi-nhap-kinh-te/2014-hoi-nhap-quoc-te-mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien>).
6. Nghị quyết số 22 NQ-TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế.